

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUYÊN HÓA  
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 7 - 2024

“V/v Ly hôn, tranh  
chấp về nuôi con”

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUYÊN HÓA, TỈNH QUẢNG BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tuấn

*Các Hội thẩm nhân dân:* Nguyễn Văn Lợi và bà Trần Thị Phúc Tuệ

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Hiền, Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hóa tham gia phiên tòa:** Không.

Trong ngày 12 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 20/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26/6/2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Hoàng Thị Thu H, sinh năm 1992;

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn P, xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Địa chỉ nhận tin báo: Số A N, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

2. **Bị đơn:** Anh Nguyễn Khánh L, sinh năm 1992;

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn C, xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Chỗ ở: Đường G T, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

\* Theo đơn ly hôn ngày 23/4/2024, bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 21/5/2024, nguyên đơn chị Hoàng Thị Thu H trình bày: Chị và anh L yêu nhau và đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình vào ngày 29/7/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng vào thành phố Đ thuê trọ sinh sống, làm ăn. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 06 năm thì đến cuối năm 2022 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, cãi vã nhau, anh L đánh đập chị làm tình cảm vợ chồng sứt mẻ. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 7 năm 2023 cho đến nay. Trong quá trình sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn anh L.

Về con chung: Chị và anh **L** có một con chung tên là **Nguyễn Ngọc Nhã U**, sinh ngày 20/02/2017, hiện đang sinh sống cùng chị. Sau ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; yêu cầu anh **L** cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh **L** thống nhất thỏa thuận tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn anh **Nguyễn Khánh L** vắng mặt tại phiên tòa nhưng theo bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 21/5/2024, anh trình bày: Về quá trình yêu nhau, kết hôn, chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn anh nhất trí như sự trình bày của chị **H**. Tuy nhiên, về thời gian xảy ra mâu thuẫn vợ chồng anh không nhất trí, theo anh vợ chồng xảy ra mâu thuẫn vào đầu tháng 6 năm 2023 và vợ chồng sống ly thân nhau từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Tuy vợ chồng có mâu thuẫn nhưng anh vẫn luôn thương yêu và dành tình cảm cho chị **H** nên anh không đồng ý ly hôn, anh có nguyện vọng được đoàn tụ vợ chồng để cùng nhau nuôi dạy con chung.

Về con chung: Anh và chị **H** có 01 con chung tên là **Nguyễn Ngọc Nhã U**, sinh ngày 20/02/2017. Hiện con đang sống với ông bà ngoại (bố mẹ cô **H**) ở **xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình**. Anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con chung, nhưng nếu chị **H** vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn thì anh nhất trí giao con chung cho chị **H** được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị **H** thống nhất thỏa thuận tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án, giải quyết.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị **H** khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh **L** là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn anh **L** có nơi cư trú tại **thôn C, xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình**. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn:

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, cả nguyên đơn và bị đơn đều có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị đơn anh **L** vắng mặt lần thứ hai không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Như vậy, bị đơn đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được pháp luật quy định. Đối với nguyên đơn, chị **H** vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt trong đó nêu ý kiến của mình đối với việc giải quyết nội dung vụ án và lý do đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu ly hôn: Theo trình bày và thừa nhận của nguyên đơn, bị đơn thì chị **H** và anh **L** đăng ký kết hôn tự nguyện tại UBND xã **L**, huyện **B**, tỉnh Quảng Bình vào ngày 29/7/2016, do đó hôn nhân giữa chị **H** và anh **L** là hợp pháp. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 06 năm thì đến cuối năm 2022, bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi vã nhau; khi nóng giận anh **L** không kiềm chế được bản thân đã đánh chị **H**. Chị **H** và anh **L** sống ly thân nhau từ năm 2023 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Anh **L** xác định mâu thuẫn vợ chồng do anh gây nên, anh muốn đoàn tụ vợ chồng nhưng từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân nhau đến nay anh không có phương pháp, hành động gì thiết thực nhằm níu kéo, cải thiện tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết, anh **L** được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không lý do, điều này thể hiện thái độ không hợp tác, bỏ mặc mục đích hôn nhân. Do đó, Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn giữa chị **H** và anh **L** đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, cần chấp nhận yêu cầu của chị **H**, xử cho chị **H** được ly hôn anh **L** là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị **H** và anh **L** có một con chung tên Nguyễn Ngọc Nhã **U**, sinh ngày 20/02/2017. Quá trình giải quyết vụ án, chị **H** yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh **L** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi; anh **L** có nguyện vọng đoàn tụ vợ chồng nên việc phân chia giao con chung cho ai nuôi không đặt ra, trường hợp nếu ly hôn thì anh nhất trí giao con chung cho chị **H** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi.

Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy, hiện tại con chung đang còn nhỏ, từ khi chị **H**, anh **L** sống ly thân nhau đến nay đều sinh sống cùng chị **H**, do chị **H** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống của con chung, cần giao cho chị **H** được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc Nhã **U**, anh **L** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 8 năm 2024 đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với điều kiện thực tế của nguyên đơn, bị đơn, nguyện vọng của con và phù hợp với các Điều 81, 82, 83 107 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình. Sau này, nếu điều kiện của các bên thay đổi, vì quyền lợi của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Cả nguyên đơn, bị đơn đều thống nhất thỏa thuận tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị **H** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, bị đơn anh **L** phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 235 và Điều 238 của Bộ

luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Xử cho chị **Hoàng Thị Thu H** được ly hôn anh **Nguyễn Khánh L**.

2. Về nuôi con chung: Xử giao con chung **Nguyễn Ngọc Nhã U**, sinh ngày 20/02/2017 cho chị **Hoàng Thị Thu H** được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh **Nguyễn Khánh L** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, kể từ tháng 8 năm 2024 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh **Nguyễn Khánh L** có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Sau này, vì quyền lợi của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí:

3.1. Án phí ly hôn sơ thẩm: Nguyên đơn chị **H** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình theo biên lai số 0000052 ngày 23/4/2024 (chị **H** đã nộp đủ án phí).

3.2. Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh **Nguyễn Khánh L** phải chịu 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị **H** và bị đơn anh **L** vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử lại theo trình tự phúc thẩm./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tuyên Hóa
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Tuyên Hóa;
- UBND xã Liên Trạch, h .Bố Trạch (Nơi ĐKKH để ghi vào sổ Hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(đã ký)

*Nguyễn Văn Tuấn*

